

PHỤ LỤC I: ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI

**(Kèm theo Kế hoạch giáo dục nhà trường số 128/KH-MNBN ngày 20/8/2024
của Trường mầm non Bình Ngọc)**

I.MỤC TIÊU, NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

Lĩnh vực	MÃ HÓA MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Tổ chức ăn	MT 1	- Trẻ được đảm bảo nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal.	- Tham mưu trong việc xây dựng thực đơn đảm bảo cung cấp nhu cầu dinh dưỡng theo khuyến nghị năng lượng - Tổ chức bữa ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng của trẻ - Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.
	MT2	- Trẻ được ăn chế độ ăn, khẩu phần ăn, thực đơn phù hợp với độ tuổi	- Trẻ ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần (chẵn, lẻ), theo mùa (đông hè). Thực đơn không lặp lại trong 2 tuần - Trẻ được đảm bảo vệ sinh

			an toàn thực phẩm
	MT 3	- Trẻ được ăn hai bữa chính và một bữa phụ trên ngày tại trường mầm non	- Tổ chức bữa ăn chính cho trẻ vào buổi trưa, buổi chiều, bữa phụ uống sữa công thức
	MT 4	- Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh	- Trẻ uống nước đun sôi để nguội (Nước ấm) đảm bảo vệ sinh - Uống khoảng 0,8 – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
2. Tổ chức ngủ	MT 5	- Trẻ được được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa, thời gian từ 120 phút -150 phút.
	MT 6	- Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp	- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng, ... đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu - Các hoạt động chăm sóc vệ sinh cá nhân
3. Vệ sinh	MT 7	- Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Hằng ngày lau lớp học bằng dung dịch khử khuẩn thường 2-3 lần - Hàng tháng vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Thu gom rác thải và thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	MT 8	- Trẻ được Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. Trẻ đạt được cân nặng và chiều cao cuối độ tuổi Trẻ 24 tháng : + <i>Trẻ trai:</i> <i>Cân nặng: 9,7 – 15,3 kg.</i> <i>Chiều cao: 81,7 – 93,9 cm</i> + <i>Trẻ gái:</i> <i>Cân nặng: 9,1 – 14,8 kg.</i>	- Chế độ dinh dưỡng cho trẻ trong trường mầm non + Đối với trẻ suy dinh dưỡng cho trẻ ăn cân đối hợp lý phối hợp nhiều loại thực phẩm, bổ sung sữa, tăng thêm bữa phụ. + Đối với trẻ béo phì cần giảm tinh bột và đường nên ăn nhiều protein và chất xơ. - Chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non. - Theo dõi sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm. - Cân đo 1 tháng/ 1 lần đối với

		<i>Chiều cao: 80,0 – 92,9 cm</i> Trẻ 36 tháng: + <i>Trẻ trai:</i> <i>Cân nặng: 11,3 – 18,3 kg.</i> <i>Chiều cao: 88,7 – 103,5cm</i> + <i>Trẻ gái:</i> <i>Cân nặng : 10,8 – 18,1 kg.</i> <i>Chiều cao: 87,4 – 102,7 cm</i>	trẻ dưới 24 tháng tuổi. - Cân, đo 3 tháng /lần đối với trẻ 24 tháng trở lên. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.
	MT 9	- Trẻ được bảo vệ an toàn trước dịch bệnh	- Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang, ... - Các biện pháp phòng, tránh các dịch bệnh truyền nhiễm
	MT 10	- Trẻ được bảo vệ an toàn trước các tai nạn	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn - Các biện pháp phòng, tránh một số tai nạn

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	a. Phát triển vận động.		
	MT 1	- Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	+ Thực hiện các động tác phát triển hô hấp, động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai, động tác phát triển cơ bụng, lưng, động tác phát triển cơ chân - Hô hấp : + Gà gáy, thổi bóng bay, thổi nơ bay... - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống. + 2 tay đưa ra phía trước- đưa về phía sau + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống. + 1 tay đưa về phía trước,

		1 tay đưa về phía sau. - <i>Lưng, bụng, lườn:</i> + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên. + Nghiêng người sang 2 bên phải, trái. + Quay người sang 2 bên phải, trái. + Ngửa người ra phía sau. - <i>Chân:</i> + Co duỗi từng chân. + Ngồi xuống, đứng lên. + <i>Bật tại chỗ.</i>
MT 2	- Trẻ giữ được thăng người khi đi thay đổi tốc độ.	+ Đi về phía trước + Đi theo thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
MT 3	-Trẻ giữ được thăng người khi đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.	+ Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.
MT 4	-Trẻ biết đi theo đường ngoằn ngoèo.	+ Đi bước vào các ô. + Đi kết hợp với chạy. + Đi theo đường ngoằn ngoèo.
MT 5	- Trẻ có thể đi bước qua vật cản	+ Đi bước qua gậy kê cao. + Đi bước qua vật cản
MT 6	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy thay đổi theo tốc độ nhanh – chậm theo cô	+ Chạy tại chỗ + Chạy chậm + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy đổi hướng. + Chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô.
MT 7	- Trẻ biết bật xa bằng 2 chân khoảng 20 cm.	+ Bật tại chỗ. + Bật qua các vòng + Bật tách chụm chân + Bật qua vạch kẻ
MT 8	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	+ Bò thẳng hướng + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò, chui qua cổng. + Bò, qua vật cản.

			+ Bò trong đường hẹp
MT 9	- Trẻ có thể trườn qua vật cản		+ Trườn, chui qua cổng. + Trườn qua vật cản.
MT 10	- Trẻ có thể bước lên xuống bậc cao 15 cm		- Bước lên xuống bậc có vịn.
MT 11	-Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay mắt: Tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m.		+ Tung – bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m. + Tung bóng bằng 2 tay. + Tung bóng qua dây. + Tung bóng lên cao
MT 12	- Ném xa vào đích xa 1 – 1,2 m		+ Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích bằng 1 tay. + Ném vào đích xa 1m + Ném vào đích xa 1,2m + Ném xa bằng 1 tay
MT 13	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay.		+ “Múa khéo”. + Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào đất nặn, khuấy, đảo, vò, xé... + Nhón nhặt đồ vật.
MT 14	- Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: Chồng xếp xếp 6 – 8 khối; nhào; vẽ , xâu vòng...		+ Xâu, luồn dây (Xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...), cài, cởi cúc, buộc dây. + Chắp ghép hình. + Chồng xếp mô hình: nhà, đồ vật, đồ chơi, con vật....
MT 15	- Trẻ có thể làm được một số việc tự phục vụ đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.		+ Tập cầm bút tô, vẽ. + Lật mở trang sách. + Làm được một số việc tự phục vụ đơn giản: xếp, cất gối, lấy và cất ghế, lấy khăn lau mặt...
b. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe			
MT 16	- Trẻ thích nghi được với chế độ ăn cơm, ăn các loại thức ăn khác		- Các loại thức ăn khác nhau trong bữa ăn hàng

		nhau.	ngày + Ích lợi của việc ăn đa dạng các thức ăn khác nhau
	MT 17	- Trẻ có thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa	+ Ích lợi của việc ngủ trưa. + Những hành vi tốt khi trẻ ngủ
	MT 18	-Trẻ biết một số thói quen tốt trong sinh hoạt.	+ Một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay, lau miệng, bỏ rác đúng nơi qui định.... + Một số thói quen tốt trong ăn uống: Tự xúc ăn, ăn hết xuất, ăn không rơi vãi....
	MT 19	-Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Một số công việc trong gia đình: Cất quần áo, cất đồ vật, dọn đồ chơi... + Một số công việc trên lớp: Lấy gối, cất gối, cất đồ chơi...
	MT 20	-Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	+ Mặc quần áo, đi giày dép phù hợp với thời tiết...
	MT 21	- Trẻ bước đầu biết tự phục vụ bản thân	+ Một số thao tự phục vụ bản thân: Đi vệ sinh, rửa tay, lau mặt, mặc quần áo...
	MT 22	-Trẻ biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở	+ Một số vật dụng nguy hiểm không được phép sờ vào: Lửa, dao, bếp điện....
	MT 23	-Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	+Những nơi nguy hiểm không đến gần: Cổng , ao, hồ, giếng... + Một số hành động nguy hiểm không làm theo: leo trèo, nghịch đồ vật sắc

			nhọn...
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	a) Luyện tập và phối hợp các giác quan		
	MT 24	- Trẻ thích khám phá đồ vật đồ chơi bằng giác quan để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	+ Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. + Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật + Sờ, nắn, nhìn để nhận biết đặc điểm nổi bật của đồ vật. + Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.
	MT 25	- Trẻ có thể nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc	- Sờ, nắn, nhìn, nghe về một số đồ dùng, đồ chơi - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Sờ, nhìn, ngửi, nếm về một số loại cây, hoa, quả rau quen thuộc, gần gũi - Sờ, nhìn, nghe tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, gần gũi.
	b) Nhận biết		
	MT 26	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	+ Một số bộ phận của cơ thể con người: Tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tay, chân.
	MT 27	- Trẻ biết gọi tên một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật hoa quả, con vật quen thuộc	+ Đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Một số PTGT. + Một số loại hoa, quả, cây cối + Một số con vật gần gũi.. + Sự thay đổi nào đó như cảnh mưa rơi, lá rụng....
	MT 28	- Trẻ biết tên và công việc của những người thân trong gia đình	+ Tên bố mẹ, ông, bà, các bác, anh chị em

			+ Công việc của ông, bà, bố, mẹ....
	MT 29	- Trẻ nói được tên của bản thân và đặc điểm bên ngoài của bản thân	+ Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	MT30	- Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc; Biết dùng 1 số đồ vật thay thế trong trò chơi.	+ Một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc: bàn, ghế, giường, tủ, bát, thìa, đồ chơi bác sĩ, đồ chơi các con vật, đồ chơi các phương tiện giao thông, ghép hình, khối hình ... + Cách sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc: khăn mặt, bàn chải đánh răng.... + Dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi.
	MT31	- <i>Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.</i>	- <i>Một số trò chơi</i> + <i>Trò thao tác vai</i> + <i>Trò chơi dân gian...</i>
	MT 32	- Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của PTGT gần gũi	+ Một số PTGT quen thuộc. + Một số trò chơi với PTGT
	MT 33	- Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của rau, hoa quả quen thuộc.	+ Một số loại rau, hoa quả quen thuộc: cà chua, rau cải, mướp, cà rốt, khoai tây... + Một số đặc điểm nổi bật của loại rau, hoa quả + Một số trò chơi: Lá nào rau ấy...

	MT 34	- Trẻ nói được tên của bản thân, tên cô giáo, các cô bác trong trường mầm non, một số bạn trong lớp và những người gần gũi khi được hỏi.	+ Tên của cô giáo, các bạn, các cô bác trong nhóm/ lớp. + Công việc của cô giáo, của các cô, bác trong trường nhà trẻ. + Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/ lớp.
	MT 35	Trẻ có khả năng nhận biết một số hoạt động nổi bật của ngày lễ, ngày hội, ngày tết .	+ Nhận biết một số hoạt động trong ngày tết trung thu, Tết Nguyên Đán, ngày 20/10, 20/11, 8/3...
	MT 36	-Trẻ có thể chỉ, nói tên, lấy, cất đồ chơi màu: đỏ, vàng, xanh theo yêu cầu	+ Màu đỏ, vàng, xanh.
	MT 37	-Trẻ có thể chỉ, nói tên, lấy, cất đồ chơi có kích thước, hình dạng, số lượng theo yêu cầu	+ Kích thước: To – nhỏ + Hình: Tròn, vuông + Số lượng: một – nhiều
	MT 38	-Trẻ nhận biết vị trí trong không gian.	+ Vị trí: Trên – dưới; trước – sau (so với bản thân trẻ)
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	a. Nghe		
	MT 39	- Trẻ có thể thực hiện nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động	+ Nghe âm thanh - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói
	MT 40	-Trẻ có thể nghe được lời nói với sắc thái, tình cảm khác nhau	+ Lời nói với sắc thái, tình cảm khác nhau
	MT 41	- Trẻ có thể nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	+ Các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
	MT 42	- Trẻ trả lời được câu hỏi: Ai đây? Để làm gì? Tại sao? Cái gì đây....	+ Các câu hỏi: Cái gì? Làm gì....
	MT43	- Trẻ hiểu nội dung, truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và cácnh động của các nhân vật.	+ Một số câu truyện.
	MT 44	- Trẻ nghe các bài thơ, ca dao,	+ Một số bài thơ, đồng

	đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát	dao, ca dao, câu đố....
b. Nói		
MT 45	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	+ Phát âm rõ tiếng
MT 46	- Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao dưới sự giúp đỡ của người lớn	+ Các bài thơ, đoạn thơ ngắn + Các bài: Đồng dao, ca dao ngắn có câu từ 3 – 4 tiếng.
MT 47	- Trẻ kể lại chuyện ngắn quen thuộc theo tranh	+ Các câu truyện cô kể cho trẻ nghe + Các câu chuyện trẻ kể lại dưới sự gợi ý của cô + Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.
MT 48	- Trẻ nói được câu đơn có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quen thuộc.	+ Các câu nói câu đơn có 5-7 tiếng, các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
MT 49	-Trẻ sử dụng được lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi trò chuyện + Bày tỏ nhu cầu bản thân.	+ Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT 50	- Trẻ biết hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?....	+ Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1- 2 câu đơn giản và câu dài.
MT 51	- Trẻ nói đủ to, đủ để nghe, lễ phép.	+ Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
c. Làm quen với sách		
MT 52	- Trẻ biết mở sách, cầm sách đúng chiều, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.	+ Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. + Một số biểu cảm của trẻ khi nghe người lớn đọc sách.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI – VÀ THẨM MỸ	a. Phát triển tình cảm		
	MT 53	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	+ Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. + Một số đồ dùng , đồ chơi yêu thích của bản thân.
	MT 54	- Trẻ thể hiện được điều mình thích và không thích.	+ Những điều trẻ thích, không thích.
	MT 55	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ, lời nói.	+ Giao tiếp với những người xung quanh. + Một số trạng thái cảm xúc của bé.
	MT 56	- Trẻ nhận biết và thể hiện được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	+ Một số trạng thái: Vui , buồn, tức giận... + Cách biểu lộ trạng thái cảm xúc.
	MT 57	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu , tiếng gọi.	+ Quan tâm đến các con vật nuôi + Chơi với con vật gần gũi + Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi.
	b. Phát triển kỹ năng xã hội		
	MT 58	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	+ Giao tiếp với người xung quanh.
	MT 59	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ: (bé em, nghe điện thoại...)	+ Các trò chơi bắt chước, đóng vai. + Cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.
	MT 60	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	+ Một số hành vi: chào hỏi, xin lỗi... + Trò chơi bắt chước, đóng vai.
	MT 61	- Trẻ có thể thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	+ Một số qui định đơn giản ở lớp, ở nhà và nơi

		công cộng.
c. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ		
MT 62	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	+ Các bài hát, bản nhạc đơn giản phù hợp với độ tuổi. + Sự hưởng ứng cảm xúc cùng cô.
MT 63	- Trẻ có thể hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau.	+ Một số bài hát, bản nhạc có giai điệu khác nhau.
MT 64	- Trẻ có thể nghe âm thanh của các nhạc cụ.	+ Âm thanh của một số dụng cụ âm nhạc
MT 65	- Trẻ thích tô màu.	- Tô màu trên những bức tranh đen trắng đã in sẵn (Hình vẽ to, đơn giản, rõ ràng, ít chi tiết) như: hoa, quả, em bé, đồ dùng, đồ chơi...
MT 66	- Trẻ thích in hình, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh truyện, xem rối.	- Sử dụng các đường nét khác nhau: nét xiên, thẳng, nét xoay tròn tạo ra sản phẩm. Khuyến khích trẻ đặt tên cho sản phẩm. - Sử dụng các hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc khác nhau(Dưới sự giúp đỡ của cô giáo). - Góc thao tác với đất nặn; tự do cầu,véo,lăn, ấn đập, chia nhỏ đất nặn thành sản phẩm: con giun, cái bánh, quả trứng... - Các thao tác xé dán: xé vụn, xé dải, vò giấy - Thực hiện xếp chồng, xếp cạnh nhau ngay ngắn tạo ra sản phẩm đơn giản: Ngôi nhà, đoàn tàu, ô tô,

			hộp bánh... - Sử dụng tranh có nhiều màu sắc, hình vẽ sinh động. Nghe kể chuyện minh họa bằng những con rối, đồ chơi.
--	--	--	---